

Số: 1026/QĐ-CĐKTKT-ĐT

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên K14 SEVT
Cao đẳng chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ
Đợt tháng 12/2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT

Căn cứ Quyết định số 4507/QĐ-BGD-ĐT ngày 18/8/2005 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật thuộc ĐHTN;

Căn cứ thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 13/03/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH quy định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/T-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh & Xã hội Quy định về Điều lệ Trường Cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 235/QĐ-CĐKTKT-ĐT ngày 18/05/2020 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật về việc cụ thể hóa quy chế đào tạo Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ kết luận của thường trực Hội đồng xét tốt nghiệp năm học 2020 – 2021 họp ngày 31/12/2021;

Theo đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo - QLKH&HTQT và Ông Trưởng phòng Công tác HSSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và công nhận danh hiệu Kỹ sư thực hành cho 106 sinh viên K14 ngành Điện - Điện tử; Công nhận danh hiệu Cử nhân thực hành cho 103 sinh viên K14 ngành Kế toán tổng hợp và tiếng Hàn Quốc - Hệ Cao đẳng chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ - Khóa học (2018- 2021), đào tạo tại SEVT. Do đã hoàn thành chương trình đào tạo, chương trình GDQP-AN và đạt chuẩn đầu ra về Ngoại ngữ, Tin học.

Không công nhận tốt nghiệp đối với 20 sinh viên K14 thuộc khóa đào tạo trên do chưa hoàn thành chương trình đào tạo, nợ học phí theo quy định.

Buộc thôi học 02 sinh viên do kết quả học tập kém, nợ nhiều môn vượt quy định trong quy chế đào tạo.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo - QLKH&HTQT, Trưởng phòng Công tác HSSV, Kế toán trưởng, Khoa Điện, Khoa KT&QTKD, Khoa KHCB, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên trong danh sách kèm theo Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận

- Như điều 2;
- BGH (báo cáo);
- Phòng TH (đưa lên website);
- Lưu VT, P.ĐT-KH&QHQT.



T.S Ngô Xuân Hoàng

**DANH SÁCH SINH VIÊN K14CD ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG ĐẠO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**

(Kèm theo Quyết định số: 1026/QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 3/ tháng 12 năm 2021)

Lớp: K14CD - Điện A/SEVT - Ngành Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Số TCTL	Điểm		Xếp loại TN	Ghi chú
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
1	CDT12021865103030S004	Hoàng Tuấn	Anh	17/10/1996	84	7.37	2.89	Khá	
2	CDT12021865103030S003	Nguyễn Tuấn	Anh	10/10/1999	84	7.46	2.85	Khá	
3	CDT12021865103030S005	Trịnh Tuấn	Anh	23/08/1996	84	6.92	2.58	Khá	
4	CDT12021865103030S008	Tô Thị	Bưởi	14/11/1999	84	8.08	3.31	Giỏi	
5	CDT12021865103030S009	Nguyễn Đức	Cảnh	04/09/1993	84	7.31	2.74	Khá	
6	CDT12021862202110S159	Dương Văn	Chí	06/10/1996	84	7.27	2.83	Khá	
7	CDT12021865103030S011	Nguyễn Văn	Cường	16/06/1999	84	6.99	2.46	Trung bình	
8	CDT12021865103030S012	Lê Mạnh	Cường	08/08/1997	84	7.42	2.87	Khá	
9	CDT12021865103030S016	Nguyễn Đình	Du	04/10/1997	84	6.92	2.54	Khá	
10	CDT12021865103030S017	Nguyễn Văn	Duân	24/04/1999	84	7.34	2.87	Khá	
11	CDT12021865103030S018	Nguyễn Tiến	Dũng	05/11/1998	84	7.41	2.9	Khá	
12	CDT12021865103030S019	Trương Văn	Dũng	28/06/1996	84	7.62	2.96	Khá	
13	CDT12021865103030S021	Nguyễn Khương	Duy	26/04/1996	84	7.2	2.8	Khá	
14	CDT12021865103030S022	Lê Văn	Dương	20/09/1996	84	8.08	3.23	Giỏi	
15	CDT12021862202110S171	Nguyễn Văn	Đàm	13/04/1999	84	7.25	2.74	Khá	
16	CDT12021865103030S024	Nguyễn Văn	Đạt	21/01/1999	84	7.13	2.7	Khá	
17	CDT12021865103030S026	Trần Văn	Đăng	10/08/1999	84	7.28	2.74	Khá	
18	CDT12021865103030S027	Vũ Văn	Đê	22/01/1996	84	7.72	3.1	Khá	
19	CDT12021865103030S029	Hoàng Văn	Đức	06/05/1999	84	7.18	2.74	Khá	
20	CDT12021862202110S031	Hoàng Văn	Đức	30/06/1999	84	7.22	2.83	Khá	
21	CDT12021862202110S174	Trần Văn	Giang	28/10/1999	84	7.32	2.85	Khá	
22	CDT12021865103030S032	Nguyễn Văn	Giáp	18/01/1995	84	7.21	2.76	Khá	
23	CDT12021865103030S036	Nguyễn Thanh	Hải	20/06/1999	84	8.12	3.42	Giỏi	
24	CDT12021865103030S035	Phan Văn	Hải	06/11/1998	84	7.2	2.77	Khá	
25	CDT12021865103030S038	Ninh Văn	Hạnh	16/06/1996	84	7.88	3.1	Khá	
26	CDT12021865103030S043	Trần Văn	Hiếu	10/01/1999	84	7.96	3.3	Giỏi	
27	CDT12021865103030S045	Nguyễn Thị	Hoa	24/12/1999	84	7.5	2.9	Khá	
28	CDT12021865103030S047	Nguyễn Thị	Hoàn	22/01/1997	84	8.07	3.25	Giỏi	
29	CDT12021865103030S049	Trần Văn	Hoàng	20/06/1999	84	7.29	2.75	Khá	
30	CDT12021865103030S048	Vũ Văn	Hoàng	20/07/1999	84	7.31	2.86	Khá	
31	CDT12021865103030S051	Trịnh Tuấn	Hùng	20/04/1999	84	6.77	2.46	Trung bình	
32	CDT12021865103030S058	Hoàng Ngọc	Hưng	23/12/1995	84	7.26	2.82	Khá	

33	CDT12021865103030S057	Nguyễn Ngọc	Hưng	14/06/1994	84	7.6	2.94	Khá	
34	CDT12021862202110S059	Trần Đăng	Khoa	12/08/1999	84	7.29	2.68	Khá	
35	CDT12021865103030S060	Trần Văn	Kiên	10/02/1997	84	7.51	2.87	Khá	
36	CDT12021865103030S067	Hoàng Hồng	Lĩnh	29/09/1999	84	7.12	2.75	Khá	
37	CDT12021865103030S071	Nông Đức	Mạnh	23/05/1996	84	6.96	2.65	Khá	
38	CDT12021865103030S077	Nguyễn Hữu	Nghĩa	29/11/1994	84	7.18	2.74	Khá	
39	CDT12021865103030S082	Nguyễn Thế	Ngọc	17/12/1997	84	7.63	2.98	Khá	
40	CDT12021865103030S080	Phạm Thị	Ngọc	04/11/1999	84	7.84	3.17	Khá	
41	CDT12021865103030S079	Trịnh Thị	Ngọc	29/09/1999	84	7.75	3.08	Khá	
42	CDT12021865103030S083	Nguyễn Long	Nhật	28/09/1999	84	7.28	2.74	Khá	
43	CDT12021865103030S075	Nông Văn	Nội	14/04/1999	84	7.39	2.9	Khá	
44	CDT12021865103030S084	Hoàng Thị	Oanh	07/09/1999	84	8.21	3.37	Giỏi	
45	CDT12021865103030S085	Hoàng Văn	Phúc	03/05/1999	84	7.19	2.69	Khá	
46	CDT12021865103030S086	Nguyễn Hoàng	Phúc	23/11/1995	84	7.22	2.68	Khá	
47	CDT12021865103030S087	Lương Như	Phương	28/08/1995	84	7.71	3.01	Khá	
48	CDT12021865103030S091	Nguyễn Ngọc	Quân	23/11/1995	84	7.29	2.68	Khá	
49	CDT12021865103030S093	Mã Văn	Quý	24/04/1998	84	7.29	2.8	Khá	
50	CDT12021865103030S098	Trần Hồng	Sơn	07/10/1996	84	7.53	2.94	Khá	
51	CDT12021865103030S099	Vũ Văn	Sơn	27/07/1998	84	6.98	2.61	Khá	
52	CDT12021865103030S115	Trần Văn	Thái	16/05/1999	84	7.14	2.69	Khá	
53	CDT12021865103030S117	Vũ Chí	Thanh	02/07/1996	84	7.51	2.92	Khá	
54	CDT12021865103030S121	Phạm Văn	Thắng	11/01/1992	84	7.31	2.86	Khá	
55	CDT12021865103030S122	Trần Văn	Thế	01/05/1999	84	7.13	2.71	Khá	
56	CDT12021865103030S125	Hoàng Văn	Thông	08/11/1998	84	7.88	3.13	Khá	
57	CDT12021865103030S262	Nguyễn Hoàng	Trung	27/07/1999	84	7.33	2.94	Khá	
58	CDT12021865103030S105	Hoàng Văn	Tuấn	27/01/1996	84	7.3	2.8	Khá	
59	CDT12021865103030S107	Lê Quốc	Tuấn	23/10/1998	84	7.12	2.63	Khá	
60	CDT12021865103030S112	Hà Văn	Tùng	11/04/1995	84	7.08	2.69	Khá	

Danh sách ấn định: 60 sinh viên

Trong đó:

Xuất sắc	0
Giỏi	6
Khá	52
Trung bình	2

TRƯỜNG BAN THƯ KÝ



PGS.TS Nguyễn Văn Bình

Ngày 31 tháng 12 năm 2021
NGƯỜI LẬP



Hoàng Thị Hồng Thúy

**DANH SÁCH SINH VIÊN K14 CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG ĐẠO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**

(Kèm theo Quyết định số: 1026/QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 31 tháng 12 năm 2021)

Lớp: K14CD-Điện A/SEVT - Ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện - Điện tử

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTL	Điểm hệ 4	Lý do
1	Trần Văn	Cường	10/09/1999	81	6.73	2.4	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (81/84) Cơ sở kỹ thuật điện-EEL231 (3TC)
2	Lê Đức	Đạt	25/03/1997	81	7.23	2.77	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (81/84) (81/84: Kỹ thuật vi xử lý (N)-MPE331 (3 TC)
3	Hà Trọng	Khôi	27/04/1995	72	5.98	2.2	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (72/84): Kỹ thuật vi xử lý (3TC), Đo lường điện (2TC), Đồ án cung cấp điện(2TC), Bài tập cơ sở kỹ thuật điện (1 TC), Kỹ thuật điện tử 1(4TC)
4	Đỗ Quang	Linh	27/07/1998	81	6.63	2.31	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (81/84): Cơ sở kỹ thuật điện (3TC), Nợ học phí
5	Phan Văn	Long	10/09/1994	84	6.55	2.17	chứng chỉ CCGDQP chưa đạt
6	Phạm Minh	Quân	05/08/1997	79	6.35	2.14	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (79/84): Vẽ và thiết kế mạch in-(3TC), Thực hành điện cơ bản-(2TC); chứng chỉ CCGDQP chưa đạt; chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt; chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt; Nợ học phí

Danh sách ấn định: 06 sinh viên

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

PGS.TS Nguyễn Văn Bình

Ngày 31 tháng 12 năm 2021
NGƯỜI LẬP

Hoàng Thị Hồng Thúy

**DANH SÁCH SINH VIÊN K14 BUỘC THÔI HỌC
HỆ CAO ĐẲNG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**

(Kèm theo Quyết định số: 1026/QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 31/ tháng 12 năm 2021)

Lớp: K14CD-Điện A/SEVT - Ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện - Điện tử

STT	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTL	Điểm hệ 4	Lý do
1	Nguyễn Thanh	Long	07/12/1994	47	4.19	1.27	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (47/84): Tiếng Anh 1-(3TC), Cung cấp điện (3TC), Kỹ thuật vi xử lý (3TC), Thực tập tốt nghiệp và trải nghiệm(Đ-ĐT) (5TC), Cơ sở kỹ thuật điện (3TC), Pháp luật-(2TC), Tin học-(3TC), Vật liệu và khí cụ điện-(3TC); Toán chuyên ngành điện (2TC), Đồ án cung cấp điện (2TC), Bài tập cơ sở kỹ thuật điện (1TC), Vẽ và thiết kế mạch in-(3TC), Kỹ thuật điện tử 1-(4TC)]; ĐTK HE4 = 1.27; chứng chỉ CCGDTC chưa đạt; chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt; chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt

Danh sách ấn định: 01 sinh viên

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



PGS.TS Nguyễn Văn Bình

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGƯỜI LẬP



Hoàng Thị Hồng Thúy

DANH SÁCH SINH VIÊN K14CD ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG ĐẠO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ
(Kèm theo Quyết định số 422/QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 31 tháng 12 năm 2021)

Lớp: K14CD - Điện B/SEVT - Ngành Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Số TCTL	Điểm		Xếp loại TN	Ghi chú
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
1	CDT12021865103030S127	Phạm Hoàng	Anh	10/01/1996	84	7.38	2.81	Khá	
2	CDT12021865103030S133	Vũ Minh	Chiến	25/09/1999	84	7.16	2.7	Khá	
3	CDT12021865103030S134	Nguyễn Duy	Chung	25/12/1999	84	7.31	2.81	Khá	
4	CDT12021865103030S130	Quách Kim	Cương	09/06/1996	84	7.5	2.92	Khá	
5	CDT12021865103030S140	Lường Ngọc	Duy	18/03/1997	84	7.34	2.82	Khá	
6	CDT12021865103030S139	Phạm Lê	Duy	19/09/1996	84	7.24	2.8	Khá	
7	CDT12021865103030S143	Trần Văn	Định	07/08/1999	84	7.34	2.85	Khá	
8	CDT12021865103030S146	Ngô Trí	Đức	11/05/1995	84	7.2	2.76	Khá	
9	CDT12021865103030S145	Nông Văn	Đức	04/10/1997	84	7.29	2.86	Khá	
10	CDT12021865103030S148	Đào Xuân	Hà	13/02/1996	84	7.58	3	Khá	
11	CDT12021865103030S149	Sầm Tiến	Hạ	10/10/1994	84	7.95	3.27	Giỏi	
12	CDT12021865103030S156	Nguyễn Trọng	Hiếu	12/01/1998	84	7.38	2.93	Khá	
13	CDT12021865103030S155	Ninh Xuân	Hiếu	31/03/1998	84	7.23	2.71	Khá	
14	CDT12021865103030S154	Trần Văn	Hiếu	26/01/1998	84	7.37	2.87	Khá	
15	CDT12021865103030S163	Lâm Quang	Hùng	21/07/1998	84	6.92	2.57	Khá	
16	CDT12021865103030S164	Nguyễn Văn	Hùng	25/11/1994	84	7.17	2.68	Khá	
17	CDT12021865103030S162	Vũ Văn	Hùng	08/01/1995	84	8	3.25	Giỏi	
18	CDT12021865103030S165	Nguyễn Xuân	Hưng	19/10/1993	84	7.61	2.95	Khá	
19	CDT12021865103030S167	Hoàng Văn	Khải	01/10/1998	84	7.48	2.92	Khá	
20	CDT12021865103030S259	Nguyễn Đình	Khiêm	17/07/1996	84	7.48	2.94	Khá	
21	CDT12021865103030S168	Tạ Văn	Khương	20/08/1995	84	7.49	2.93	Khá	
22	CDT12021865103030S171	Phạm Văn	Luân	13/11/1994	84	7.48	2.86	Khá	
23	CDT12021865103030S175	Bàn Xuân	Nghĩa	03/10/1998	84	7.02	2.58	Khá	
24	CDT12021865103030S176	Mai Xuân	Nghĩa	01/01/1999	84	7.45	2.82	Khá	
25	CDT12021865103030S183	Vì Quốc	Phương	26/07/1996	84	7.36	2.74	Khá	
26	CDT12021865103030S251	Nguyễn Hữu	Sơn	01/06/1999	84	7.47	2.86	Khá	
27	CDT12021865103030S191	Nguyễn Văn	Tài	18/09/1999	84	6.92	2.46	Trung bình	
28	CDT12021865103030S203	Bùi Văn	Thạch	12/01/1999	84	7.58	2.98	Khá	
29	CDT12021865103030S206	Tạ Văn	Thắng	26/08/1998	84	7.24	2.76	Khá	
30	CDT12021865103030S207	Võ Khắc	Thắng	15/07/1998	84	7.82	3.21	Giỏi	
31	CDT12021865103030S211	Nguyễn Văn	Thông	25/01/1996	84	6.96	2.49	Trung bình	

32	CDT12021865103030S213	Hoàng Quý	Thu	01/07/1994	84	7.25	2.76	Khá	
33	CDT12021865103030S214	Nông Thị	Thu	17/09/1996	84	8.11	3.27	Giỏi	
34	CDT12021865103030S231	Hứa Thị Thu	Thủy	10/01/1999	84	7.23	2.79	Khá	
35	CDT12021865103030S217	Phạm Văn	Thực	12/06/1999	84	7.51	3	Khá	
36	CDT12021865103030S218	Nguyễn Thu	Trang	09/05/1999	84	7.69	2.98	Khá	
37	CDT12021865103030S220	Bùi Đức	Trường	08/10/1996	84	7.5	3.02	Khá	
38	CDT12021865103030S236	Nguyễn Khắc	Trường	04/09/1992	84	7.54	3.02	Khá	
39	CDT12021865103030S241	Nguyễn Văn	Trường	02/04/1999	84	7.14	2.71	Khá	
40	CDT12021865103030S238	Thân Ngọc	Trường	07/11/1998	84	7.21	2.79	Khá	
41	CDT12021865103030S239	Trần Quang	Trường	03/07/1999	84	7.01	2.63	Khá	
42	CDT12021865103030S240	Trịnh Xuân	Trường	10/02/1999	84	7.47	2.88	Khá	
43	CDT12021865103030S195	Trần Nguyễn Anh	Tú	08/03/1997	84	7.09	2.68	Khá	
44	CDT12021865103030S197	Đặng Văn	Tuấn	10/03/1991	84	7.84	3.21	Giỏi	
45	CDT12021865103030S244	Tạ Hoàng	Việt	07/12/1997	84	6.93	2.6	Khá	
46	CDT12021865103030S225	Trần Danh	Võ	28/11/1998	84	7.52	3.02	Khá	

Danh sách ấn định: 46 sinh viên

Trong đó:

Xuất sắc	0
Giỏi	5
Khá	39
Trung bình	2

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



PGS.TS Nguyễn Văn Bình

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGƯỜI LẬP



Hoàng Thị Hồng Thúy

**DANH SÁCH SINH VIÊN K14 CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**

(Kèm theo Quyết định số: 1026/QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 31 tháng 12 năm 2021)

Lớp: K14CD-Điện B/SEVT - Ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện - Điện tử

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTL	Điểm hệ 4	Lý do
1	Nguyễn Vũ	Chỉ	15/01/1998	79	6.54	2.2	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (79/84): Đo lường điện(2TC), Tổng hợp hệ điện cơ-(3TC)
2	Nguyễn Văn	Dũng	29/07/1995	81	7.27	2.88	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (81/84): Tin học-(3TC)
3	Nguyễn Thị	Ninh	10/01/1993	84	7.65	3.07	Chứng chỉ CCGDTC chưa đạt
4	Trần Minh	Sơn	06/01/1994	83	6.57	2.33	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (83/84): Bài tập cơ sở kỹ thuật điện-(1TC)
5	Đặng Hải	Trung	17/06/1996	84	7.14	2.57	Chứng chỉ CCGDTC chưa đạt
6	Lê Anh	Vũ	29/03/1999	79	6.96	2.58	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (79/84): Máy điện 1-(5TC)
7	Hoàng Trung	Lương	28/5/1996	84	7.25	2.77	Nợ học phí
8	Đào Văn	Trà	02/2/1996	84	7.36	2.73	Nợ học phí

Danh sách ấn định: 08 sinh viên

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



PGS.TS Nguyễn Văn Bình

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGƯỜI LẬP



Hoàng Thị Hồng Thúy

DANH SÁCH SINH VIÊN K14CD ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG ĐẠO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ
(Kèm theo Quyết định số 102/2021/QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 31 tháng 12 năm 2021)

Lớp: K14CD - KT/SEVT - Ngành Kế toán tổng hợp

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Số TCTL	Điểm		Xếp loại TN	Ghi chú
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
1	CDT12021863403010S073	Thào Hà	Anh	04/02/1999	84	7.93	3.24	Giỏi	
2	CDT12021863403010S003	Hà Thị	Ánh	10/10/1999	84	7.56	3.04	Khá	
3	CDT12021863403010S005	Võ Thị	Duyên	07/10/1996	84	8.25	3.26	Giỏi	
4	CDT12021863403010S006	Quan Thị	Én	01/03/1997	84	7.65	3.08	Khá	
5	CDT12021863403010S042	Nguyễn Thị Thu	Hà	23/03/1996	84	7.92	3.26	Giỏi	
6	CDT12021863403010S046	Hoàng Thị	Hoa	28/05/1996	84	7.93	3.19	Khá	
7	CDT12021863403010S010	Cao Thị	Hoài	11/07/1994	84	7.6	3.04	Khá	
8	CDT12021863403010S011	Lê Thị	Hoài	22/04/1996	84	7.66	2.99	Khá	
9	CDT12021863403010S048	Hoàng Thị Ngọc	Huế	20/06/1996	84	7.86	3.11	Khá	
10	CDT12021863403010S013	Nguyễn Thị	Huệ	26/10/1998	84	8	3.23	Giỏi	
11	CDT12021863403010S015	Dương Thị	Huyền	22/12/1994	84	8.22	3.35	Giỏi	
12	CDT12021863403010S051	Lê Thị	Huyền	02/02/1998	84	7.83	3.06	Khá	
13	CDT12021863403010S052	Phạm Thị Thanh	Hương	22/09/1997	84	8.21	3.26	Giỏi	
14	CDT12021863403010S017	Trần Thị	Hương	20/08/1996	84	8.38	3.35	Giỏi	
15	CDT12021863403010S053	Nguyễn Thị	Hường	25/08/1997	84	7.87	3.05	Khá	
16	CDT12021863403010S020	Hoàng Thị Thùy	Linh	01/01/1996	84	8.25	3.27	Giỏi	
17	CDT12021863403010S056	Nguyễn Thị	Ly	22/01/1999	84	7.60	2.93	Khá	
18	CDT12021863403010S022	Bùi Thị	Luận	03/03/1999	84	7.78	3.05	Khá	
19	CDT12021863403010S055	Trần Thị	Luyến	11/10/1995	84	8.09	3.33	Giỏi	
20	CDT12021863403010S024	Nguyễn Thị	Mai	24/08/1995	84	8.23	3.45	Giỏi	
21	CDT12021863403010S057	Trần Văn	Mạnh	15/10/1998	84	8.03	3.24	Giỏi	
22	CDT12021863403010S025	Dương Bình	Minh	12/06/1996	84	7.2	2.79	Khá	
23	CDT12021863403010S059	Trần Thị	Ngân	20/03/1998	84	8.36	3.46	Giỏi	
24	CDT12021863403010S060	Nguyễn Thị	Nguyệt	04/12/1994	84	8.06	3.27	Giỏi	
25	CDT12021863403010S064	Ngô Thị	Phương	12/10/1998	84	8.31	3.33	Giỏi	
26	CDT12021863403010S032	Đinh Thị	Thảo	13/10/1998	84	7.98	3.19	Khá	
27	CDT12021863403010S033	Lê Thị	Thu	07/02/1995	84	7.76	3.01	Khá	

28	CDT12021863403010S069	Nguyễn Thị	Thủy	01/12/1994	84	7.49	2.95	Khá	
29	CDT12021863403010S068	Vũ Thị	Thủy	07/03/1993	84	8.26	3.4	Giỏi	
30	CDT12021863403010S035	Hoàng Thị	Trang	05/05/1998	84	8.08	3.26	Giỏi	
31	CDT12021863403010S037	Hà Hải	Yến	21/02/1999	84	7.73	3.07	Khá	

Danh sách ấn định: 31 sinh viên

Trong đó:

Xuất sắc 0

Giỏi 16

Khá 15

Trung bình 0

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



PGS.TS Nguyễn Văn Bình

Ngày 31 tháng 4 năm 2021

NGƯỜI LẬP



Hoàng Thị Hồng Thúy

**DANH SÁCH SINH VIÊN K14CD ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**

(Kèm theo Quyết định số: 4026/QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 31 tháng 12 năm 2021)

Lớp: K14CD - Tiếng Hàn A/SEVT - Ngành Tiếng Hàn Quốc

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Số TCTL	Điểm		Xếp loại TN	Ghi chú
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
1	CDT12021862202110S002	Lê Thị	Anh	06/08/1999	84	8.02	3.24	Giỏi	
2	CDT12021862202110S004	Phạm Hoàng Nhật	Anh	01/08/1999	84	7.77	3.07	Khá	
3	CDT12021862202110S006	Vì Thị Ngọc	Ánh	02/11/1999	84	8.44	3.5	Giỏi	
4	CDT12021862202110S010	Nông Thị	Biển	04/07/1996	84	7.63	2.96	Khá	
5	CDT12021862202110S015	Mai Thị	Cúc	10/12/1994	84	8.24	3.33	Giỏi	
6	CDT12021862202110S024	Nguyễn Thị	Dung	12/05/1996	84	8.28	3.36	Giỏi	
7	CDT12021862202110S022	Vì Thị	Dung	01/12/1997	84	8.29	3.45	Giỏi	
8	CDT12021862202110S029	Đặng Thị	Duyên	20/08/1999	84	7.62	2.94	Khá	
9	CDT12021862202110S032	Đỗ Thị	Giang	19/08/1996	84	8.68	3.73	Xuất sắc	
10	CDT12021862202110S036	Nguyễn Thị	Hà	04/11/1994	84	8.41	3.39	Giỏi	
11	CDT12021862202110S038	Hà Thị	Hiền	30/09/1999	84	8.48	3.49	Giỏi	
12	CDT12021862202110S040	Hoàng Thị	Hiệu	09/06/1998	84	8.04	3.27	Giỏi	
13	CDT12021862202110S047	Hoàng Thị	Huệ	13/09/1999	84	8.04	3.27	Giỏi	
14	CDT12021862202110S050	Bùi Thị	Huyền	05/10/1999	84	8.04	3.24	Giỏi	
15	CDT12021862202110S062	Nguyễn Thị	Lan	19/05/1996	84	8.49	3.45	Giỏi	
16	CDT12021862202110S073	Bàn Thị	Lương	10/10/1998	84	7.72	2.99	Khá	
17	CDT12021862202110S079	Phạm Thị	My	03/06/1996	84	8.28	3.26	Giỏi	
18	CDT12021862202110S083	Bùi Thị	Nga	05/10/1996	84	8.09	3.18	Khá	
19	CDT12021862202110S086	Hoàng Trọng	Ngoãn	08/07/1996	84	7.44	2.75	Khá	
20	CDT12021862202110S090	Hà Văn	Nhật	25/01/1999	84	8.01	3.24	Giỏi	
21	CDT12021862202110S091	Quách Thị	Nhung	15/09/1997	84	7.97	3.17	Khá	
22	CDT12021862202110S093	Trần Thị	Oanh	14/08/1989	84	9.05	3.85	Xuất sắc	
23	CDT12021862202110S321	Lục Thị	Quý	18/04/1997	84	8.63	3.61	Xuất sắc	
24	CDT12021762202110S084	Nguyễn Bá	Quyền	21/05/1992	84	7.47	2.87	Khá	
25	CDT12021862202110S102	Nguyễn Thị	Quỳnh	18/07/1999	84	7.91	3.15	Khá	
26	CDT12021862202110S104	Lê Tiến	Sự	12/06/1999	84	8.06	3.27	Giỏi	
27	CDT12021862202110S113	Phạm Thị Thanh	Thanh	23/04/1998	84	7.8	3	Khá	
28	CDT12021862202110S117	Nguyễn Thị	Thảo	27/12/1999	84	8.94	3.69	Xuất sắc	
29	CDT12021862202110S115	Trần Ngọc	Thảo	23/04/1999	84	8.16	3.37	Giỏi	
30	CDT12021862202110S118	Lường Thị	Thắm	02/02/1998	84	7.92	3.08	Khá	

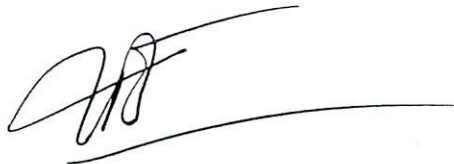
31	CDT12021862202110S119	Nguyễn Văn	Thắng	19/08/1997	84	7.64	3.08	Khá	
32	CDT12021862202110S124	Nguyễn T. Phương	Thùy	21/05/1999	84	7.51	2.96	Khá	
33	CDT12021862202110S128	Nguyễn Phương	Thúy	10/01/1996	84	7.78	3.11	Khá	
34	CDT12021862202110S131	Nguyễn Thị	Trà	28/05/1998	84	8.78	3.69	Xuất sắc	
35	CDT1202182202110S135	Lã Thị	Trang	23/10/1999	84	8.34	3.37	Giỏi	
36	CDT1202182202110S136	Dương Thị	Trung	24/08/1998	84	7.47	2.79	Khá	
37	CDT12021862202110S140	Nguyễn Sỹ	Việt	28/03/1997	84	7.2	2.8	Khá	
38	CDT12021862202110S142	Nguyễn Ngọc	Vương	27/08/1994	84	8.58	3.51	Giỏi	
39	CDT12021862202110S144	Lê Thị	Xuyến	15/01/1993	84	7.32	2.79	Khá	

Danh sách ấn định: 39 sinh viên

Trong đó:

Xuất sắc	5
Giỏi	17
Khá	17
Trung bình	0

TRƯỞNG BAN THỦ KÝ



PGS.TS Nguyễn Văn Bình

Ngày 31 tháng 1 năm 2021
NGƯỜI LẬP



Hoàng Thị Hồng Thúy

**DANH SÁCH SINH VIÊN K14 CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**

(Kèm theo Quyết định số: 1026/QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 31 tháng 12 năm 2021)

Lớp: K14CD- KT/SEVT - Ngành Kế toán tổng hợp

STT	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTL	Điểm hệ 4	Lý do
1	Phạm Thị Thu	Thảo	01/10/1996	80	8.06	3.16	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (80/84) Nguyên lý kế toán- (4TC)
2	Phạm Bá	Việt	24/05/1990	76	6.26	2.35	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (76/84): Tin học Kế Toán (4TC), Kế toán doanh nghiệp 3-(4TC)

Danh sách ấn định: 02 sinh viên

TRƯỜNG BAN THƯ KÝ



PGS.TS Nguyễn Văn Bình

Ngày 31 tháng 12 năm 2021
NGƯỜI LẬP



Hoàng Thị Hồng Thúy

**DANH SÁCH SINH VIÊN K14 BUỘC THÔI HỌC
HỆ CAO ĐẲNG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**

(Kèm theo Quyết định số 10.26/QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 31 tháng 12 năm 2021)

Lớp: K14CD- Tiếng Hàn A/SEVT- Ngành Tiếng Hàn Quốc



STT	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTL	Điểm hệ 4	Lý do
1	Hà Thế	Tài	24/11/1995	73	6.55	2.46	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (73/84 Thực hành dịch tiếng Hàn 2-(3TC), Thực tập tốt nghiệp (Hàn)-KOR351(5TC), Thực hành dịch tiếng Hàn 3-(3TC); chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt; chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt

Danh sách ấn định: 01 sinh viên

TRƯỜNG BAN THƯ KÝ

PGS.TS Nguyễn Văn Bình

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGƯỜI LẬP

Hoàng Thị Hồng Thúy

**DANH SÁCH SINH VIÊN K14 CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**

(Kèm theo Quyết định số: 126/QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 31 tháng 12 năm 2021)

Lớp: K14CD- Hàn A/SEVT - Ngành Tiếng Hàn Quốc

STT	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTL	Điểm hệ 4	Lý do
1	Nguyễn Thị Thùy	Dung	29/07/1997	81	8.49	3.49	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (81/84)Tiếng Anh 1-(3TC); chứng chỉ CCGDTC chưa đạt

Danh sách ấn định: 01 sinh viên

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



PGS.TS Nguyễn Văn Bình

Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Người lập



Hoàng Thị Hồng Thúy

**DANH SÁCH SINH VIÊN K14CD ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**
(Kèm theo Quyết định số: 426/QĐ-CĐKTKT-ĐT, ngày 31 tháng 12 năm 2021)

Lớp: K14CD - Tiếng Hàn B/SEVT - Ngành Tiếng Hàn Quốc

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Số TCTL	Điểm		Xếp loại TN	Ghi chú
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
1	CDT12021862202110S150	Đỗ Thị Tú	Anh	05/01/1998	84	8.09	3.32	Giỏi	
2	CDT12021862202110S153	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	19/01/1997	84	7.79	3.04	Khá	
3	CDT12021862202110S156	Trần Thị Ngọc	Bích	27/05/1996	84	7.6	3	Khá	
4	CDT12021862202110S168	Phan Thị	Dương	13/02/1995	84	8.26	3.35	Giỏi	
5	CDT12021862202110S170	Vũ Quốc	Đại	28/03/1995	84	7.6	2.95	Khá	
6	CDT12021862202110S172	Nông Thị	Đào	15/07/1999	84	8.47	3.58	Giỏi	
7	CDT12021865103030S033	Nguyễn Thị	Hà	10/09/1986	84	8.24	3.43	Giỏi	
8	CDT12021862202110S180	Nguyễn Thị Thu	Hà	12/09/1999	84	7.89	3.1	Khá	
9	CDT12021862202110S178	Vàng A	Hà	09/01/1996	84	8.65	3.56	Giỏi	
10	CDT12021862202110S183	Lù Thị	Hạnh	13/07/1998	84	8.03	3.25	Giỏi	
11	CDT12021862202110S184	Trương Thị	Hảo	25/07/1988	84	8.2	3.27	Giỏi	
12	CDT12021862202110S189	Đào Thị	Hằng	27/07/1997	84	7.88	3.12	Khá	
13	CDT12021862202110S188	Nguyễn Thị	Hằng	01/04/1996	84	8.18	3.3	Giỏi	
14	CDT12021862202110S193	Nguyễn Thị	Hiền	18/10/1997	84	8.67	3.56	Giỏi	
15	CDT1202176220211S215	Đặng Thúy	Hoa	08/09/1991	84	7.49	2.87	Khá	
16	CDT12021862202110S198	Tạ Văn	Hùng	19/08/1999	84	7.53	2.88	Khá	
17	CDT12021862202110S203	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	28/12/1999	84	8.19	3.37	Giỏi	
18	CDT12021862202110S205	Phạm Thị Thanh	Huyền	12/03/1996	84	7.97	3.26	Giỏi	
19	CDT12021862202110S212	Trần Quang	Khiêm	10/11/1997	84	8.15	3.24	Giỏi	
20	CDT12021862202110S213	Trần Văn	Lai	15/08/1998	84	7.97	3.17	Khá	
21	CDT12021862202110S216	Nguyễn Thị	Lan	02/02/1999	84	8.01	3.27	Giỏi	
22	CDT12021862202110S225	Đỗ Thị Thùy	Linh	19/10/1999	84	8.08	3.32	Giỏi	
23	CDT12021862202110S219	Nguyễn Mỹ	Linh	27/02/1997	84	8.24	3.32	Giỏi	
24	CDT12021862202110S224	Nịnh Thị Mỹ	Linh	11/12/1998	84	8.88	3.74	Xuất sắc	
25	CDT12021862202110S232	Bùi Ngọc	Mai	19/04/1999	84	8.56	3.5	Giỏi	
26	CDT12021862202S250	Lâm Văn	Quân	30/10/1999	84	8.17	3.33	Giỏi	
27	CDT12021862202110S254	Lê Thuý	Quỳnh	30/01/1998	84	7.73	2.98	Khá	
28	CDT12021862202110S253	Trần Thúy	Quỳnh	13/06/1998	84	8.34	3.38	Giỏi	
29	CDT12021862202110S268	Nguyễn Đức	Thịnh	07/04/1993	84	7.67	3.02	Khá	
30	CDT12021862202110S278	Nguyễn Thị Ngọc	Thương	20/11/1997	84	8.55	3.52	Giỏi	

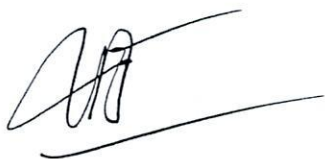
31	CDT12021862202110S283	Mạc Văn	Trọng	12/06/1997	84	8.07	3.24	Giỏi	
32	CDT12021862202110S325	Nguyễn Thị	Tuyết	28/03/1996	84	8.45	3.58	Giỏi	
33	CDT12021862202110S289	Nguyễn Thị	Xuân	30/04/1997	84	8.76	3.75	Xuất sắc	

Danh sách ấn định: 33 sinh viên

Trong đó:

Xuất sắc	2
Giỏi	21
Khá	10
Trung bình	0

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



PGS.TS Nguyễn Văn Bình

Ngày 31 tháng 4 năm 2021
NGƯỜI LẬP



Hoàng Thị Hồng Thúy

**DANH SÁCH SINH VIÊN K14 CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**

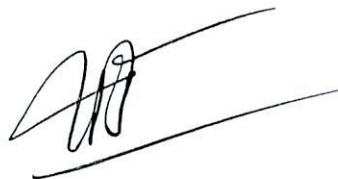
(Kèm theo Quyết định số 1016/QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 31 tháng 12 năm 2021)

Lớp: K14CD- Hàn B/SEVT - Ngành Tiếng Hàn Quốc

STT	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTL	Điểm hệ 4	Lý do
1	Nguyễn Văn	Quyết	10/06/1993	78	7.34	2.67	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (78/84): Tiếng Hàn tổng hợp 3-2-(3TC), Tiếng Hàn tổng hợp 3-3-(3TC)
2	Đào Thị	Huyền	16/5/1998	84	8.2	3.11	Nợ học phí
3	Nguyễn Đức	Việt	28/3/1996	84	8.37	3.4	Nợ học phí

Danh sách ấn định: 03 sinh viên

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



PGS.TS Nguyễn Văn Bình

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người lập



Hoàng Thị Hồng Thúy